



Số/No: 01 /2020/TT ĐHĐCĐ

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
PROPOSAL TO ANNUAL GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS 2020
CMC CORPORATION

*V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán 2019, Phân phối lợi nhuận 2019
và Kế hoạch năm 2020*

Re: Approval of 2019 Audited Financial Statements, Profit Distribution 2019 and 2020 Business Plan

Kính thưa quý vị cổ đông,
Dear our respectful shareholders,

Căn cứ/ Pursuant to

- ✓ *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*
Law on Enterprise No. 68/2014/QH13 was passed by National Assembly of Socialist Republic of Vietnam dated 26 November 2014;
- ✓ *Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC được Đại hội đồng cổ đông thông qua lần đầu vào ngày 15 tháng 05 năm 2010 và bản sửa đổi bổ sung lần thứ 16 căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 26 tháng 06 năm 2019 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty ngày 22 tháng 08 năm 2019;*
Company's charter of CMC Corporation was initially passed by General Meeting of Shareholders on 15 May 2010 and the amendment of charter for 16th time was approved based on Resolution of Annual General Meeting of Shareholders dated 26 June 2019 and Resolution of Board of Directors dated 22 August 2019
- ✓ *Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;*
Audited consolidated financial statements 2019 by Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.;
- ✓ *Báo cáo tài chính riêng năm 2019 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.*
Audited separate financial statements 2019 by Ernst & Young Vietnam Co., Ltd



Hội đồng Quản trị xin kính trình Đại hội thông qua các nội dung sau:

The Board of Directors Respectfully proposes to the General Meeting of Shareholders the followings:

I. Thông qua nội dung Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty CP Tập đoàn Công nghệ CMC năm 2019

To approve the audited financial statements of CMC Corporation of fiscal year 2019

1. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán như sau:

To Approve the audited consolidated financial statements of CMC Corporation in 2019:

a. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Profit and loss statement

Đơn vị/Unit: VNĐ

STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã số	Năm 2019 (Từ 01/04/2019 – 31/03/2020) Fiscal year 2019	Năm 2018 (Từ 01/04/2018 – 31/03/2019) Fiscal year 2018	Tăng trưởng (%) Growth
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue	10	4,855,805,669,247	5,185,715,375,665	(6%)
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit	20	899,437,871,586	841,111,442,477	7%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	Operating profit	30	247,074,571,793	247,195,415,230	0%
	<i>Trong đó Lợi nhuận từ đầu tư vào Công ty liên kết</i>	<i>In which shares of profit of associates</i>	24	25,092,671,510	20,733,263,357	21%
4	Lợi nhuận khác	Other profit	40	11,878,689,394	14,656,207,064	-19%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	50	258,953,261,187	261,851,622,294	-1%
6a	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expenses	51	50,333,114,539	47,549,485,720	6%
6b	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	Deferred tax income	52	49,653,240	49,653,240	0%
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Net profit after tax	60	208,570,493,408	214,252,483,334	-3%
8	Lợi ích của cổ đông thiểu số	Net profit after tax attributable to non-controlling interests	62	64,523,119,625	54,769,176,521	18%
9	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	Net profit after tax attributable to shareholders of the parent	61	144,047,373,783	159,483,306,813	-10%



b. Bảng cân đối kế toán/ Balance sheet

Đơn vị/ Unit: VND

STT No.	CHI TIÊU	DESCRIPTION	Mã số Code	31/03/2020	31/03/2019	Tăng trưởng % Growth
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	CURRENT ASSETS	100	2,925,508,090,945	2,198,562,190,256	33%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cash and cash equivalent	110	213,481,918,455	432,733,780,074	-51%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Short-term investments	120	1,130,980,894,357	223,273,612,595	407%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	Current accounts receivable	130	1,233,579,861,084	1,209,652,157,070	2%
IV	Hàng tồn kho	Inventories	140	207,177,327,359	200,237,606,967	3%
V	Tài sản ngắn hạn khác	Other current assets	150	140,288,089,690	132,665,033,550	6%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	NON-CURRENT ASSETS	200	1,723,877,303,526	1,510,357,168,585	14%
I	Các khoản phải thu dài hạn	Long-term receivables	210	14,408,347,518	12,463,472,294	16%
II	Tài sản cố định	Fixed assets	220	1,183,135,710,561	1,122,560,465,601	5%
III	Tài sản dở dang dài hạn	Long-term assets in progress	240	224,241,944,139	180,387,839,413	24%
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Long-term investments	250	96,726,133,547	46,954,808,087	106%
V	Tài sản dài hạn khác	Other long-term assets	260	205,365,167,761	147,990,583,190	39%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		TOTAL ASSETS	270	4,649,385,394,471	3,708,919,358,841	25%
A	NỢ PHẢI TRẢ	LIABILITIES	300	2,396,982,618,727	2,346,363,852,243	2%
I	Nợ ngắn hạn	Current liabilities	310	1,663,814,076,265	1,709,060,892,455	-3%
II	Nợ dài hạn	Non-current liabilities	330	733,168,542,462	637,302,959,788	15%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	OWNERS' EQUITY	400	2,252,402,775,744	1,362,555,506,598	65%
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Share capital	411	999,998,660,000	720,552,100,000	39%
II	Thặng dư vốn cổ phần	Share premium	412	599,555,780,400	34,444,340,400	1641%
III	Vốn khác của chủ sở hữu	Other owners' capital	414	134,807,600,821	134,807,600,821	0%
IV	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Foreign exchange differences	417	67,172,434	372,410,000	-82%
V	Lợi nhuận chưa phân phối	Undistributed earnings	421	182,539,470,277	167,459,270,889	9%
VI	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Non-controlling interests	429	335,434,091,812	304,919,784,488	10%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		TOTAL EQUITY	440	4,649,385,394,471	3,708,919,358,841	25%

2. Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2019 đã được kiểm toán như sau:

To Approve the audited separate financial statements of CMC Corporation in 2019

a. Kết quả hoạt động kinh doanh/ Profit and loss statement

Đơn vị/ Unit: VND



STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã số Code	Năm 2019 (Từ 01/04/2019 – 31/03/2020) Fiscal year 2019	Năm 2018 (Từ 01/04/2018 – 31/03/2019) Fiscal year 2018	Tăng trưởng (%) Growth
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue	10	130,298,547,648	140,949,081,591	-8%
2	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit	20	54,341,642,563	55,747,912,199	-3%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	Operating profit	30	108,903,646,339	117,898,870,519	-8%
4	Lợi nhuận khác	Other profit	40	684,398,518	678,751,724	1%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	50	109,588,044,857	118,577,622,243	-8%
6	Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expenses	51	4,072,881,565	1,424,392,870	186%
7	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred tax income	52	-57,996,340	-57,996,340	0%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Net profit after tax	60	105,573,159,632	117,211,225,713	-10%

b. Bảng cân đối kế toán/ Balance Sheet

Đơn vị/ Unit: VND

STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Mã số Code	31/03/2020	31/03/2019	Tăng trưởng Grow
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	CURRENT ASSETS	100	1,159,260,332,095	522,041,916,822	122%
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	Cash and cash equivalent	110	72,190,196,947	300,722,408,901	-76%
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Short-term investments	120	860,000,000,000	41,000,000,000	1998%
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	Current accounts receivable	130	225,204,930,644	179,615,749,413	25%
IV	Hàng tồn kho	Inventories	140	-	-	0%
V	Tài sản ngắn hạn khác	Other current assets	150	1,865,204,504	703,758,508	165%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	NON-CURRENT ASSETS	200	1,065,750,701,097	855,845,110,766	25%
I	Phải thu dài hạn khác	Long-term receivables	216	25,000,000,000	5,000,000,000	400%
II	Tài sản cố định	Fixed assets	220	227,261,251,379	247,216,209,700	-8%
III	Tài sản dở dang dài hạn	Long-term assets in progress	240	136,728,965,454	81,927,199,279	67%
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Long-term investments	250	667,820,899,728	511,801,048,066	30%



V	Tài sản dài hạn khác	Other long-term assets	260	8,939,584,536	9,900,653,721	-10%
TỔNG TÀI SẢN		TOTAL ASSETS	270	2,225,011,033,192	1,377,887,027,588	61%
A	NỢ PHẢI TRẢ	LIABILITIES	300	517,622,282,504	495,654,915,991	4%
I	Nợ ngắn hạn	Current liabilities	310	166,723,418,041	139,321,734,612	20%
II	Nợ dài hạn	Non-current liabilities	330	350,898,864,463	356,333,181,379	-2%
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	OWNERS' EQUITY	400	1,707,388,750,688	882,232,111,597	94%
I	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Share capital	411	999,998,660,000	720,552,100,000	39%
II	Thặng dư vốn cổ phần	Share premium	412	599,555,780,400	34,444,340,400	1641%
III	Lợi nhuận chưa phân phối	Undistributed earnings	421	107,834,310,288	127,235,671,197	-15%
TỔNG NGUỒN VỐN		TOTAL EQUITY	440	2,225,011,033,192	1,377,887,027,588	61%

Thông tin chi tiết kính đề nghị Quý vị cổ đông xem trong Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của năm 2019 đã kiểm toán của công ty.

For further information, please refer to the shareholders in the audited separate financial statements and the audited consolidated financial statements of 2019 of the company.

II. Phân phối lợi nhuận năm 2019/ Profit Distribution for 2019

Căn cứ/ Pursuant to:

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất toàn tập đoàn;
Separate profit and loss statement and consolidated profit and loss statement
- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về chế độ kế toán doanh nghiệp;
Circular 200/2014/TT-BTC on guidelines accounting policies for enterprises

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

The Board of Directors Respectfully proposes the General Meeting of Shareholders to approve the profit distribution plan in 2019 as follows:

Đơn vị/ Unit: VNĐ

STT No.	Các chỉ tiêu	DESCRIPTION	Tỷ lệ (%)	Năm 2019 Fiscal year 2019
1	Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ)	Earning before tax (Separate FS)		105,573,159,632
2	Trích lập các quỹ năm 2019 (*)	Funds appropriation 2019		(16,891,705,541)



	<i>Trong đó:</i>	<i>Include:</i>		
	- Trích quỹ KHCVN	- Scientific and technological development fund	-10%	(10,557,315,963)
	- Trích quỹ KTPL	- Bonus and welfare fund	-6%	(6,334,389,578)
	-Trích quỹ thưởng HĐQT, BKS (**)	-Bonus for BOD & BOS	0%	0
3	Lợi nhuận năm 2019 sau khi trích lập các quỹ (3) = (1) + (2)	Remaining profit 2019 after distributing funds		88,681,454,091
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2018	Remaining undistributed profit after tax 2018 left		19,152,856,197
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2020 sau khi trích lập các quỹ (5) = (3) + (4)	Undistributed profit after tax at 31/03/2020 after distributing funds		107,834,310,288
6	Số lượng cổ phần tại ngày 31/03/2020	Number of share at 31/03/2020		99,999,866
7	Đề xuất cổ tức	Proposed dividend	10.00%	99,999,866,000

(*) Theo nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2019.

According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2019 / NQ-DHDCD dated June 26, 2019

(**) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2019 "Thưởng 1% lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc về cổ đông công ty mẹ cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nếu lợi nhuận hợp nhất sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ đạt từ 90% đến 100% kế hoạch". Tuy nhiên, kết quả kinh doanh năm 2019 chưa đạt được như kế hoạch, do đó, không trích lập quỹ thưởng cho HĐQT và BKS.

According to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 01/2019 / NQ-DHDCD dated June 26, 2019 "Bonus 1% of consolidated profit after tax belonging to the holding company for BOD and BOS if consolidated profit after tax belonging to the holding company reaches from 90% to 100% of the plan". However, the business result in 2019 didn't achieved the plan, the Company didn't deduct bonus fund for BOD & BOS.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận như trên và chia cổ tức cho cổ đông năm 2019 như sau:

BOD propose Annual General Meeting of Shareholders to approve the above profit distribution plan and dividend payment to shareholders in 2019 as follows:

- ✓ Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019: **10%**



Dividend ratio for fiscal year 2019: 10%

- ✓ Hình thức chi trả: Bằng tiền mặt.

Payment: In cash

- ✓ Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian và triển khai các thủ tục chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông.

Authorize the Board of Directors to decide the time and implementation of procedures to pay 2019 dividends.

III. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận và phân phối lợi nhuận năm 2020
Revenue and profit plan for fiscal year 2020

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 tại Báo cáo Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua kế hoạch doanh thu - lợi nhuận năm 2020 như sau:

Based on the 2019 business plan in the Management Board Report of CMC Corporation. The Board of Directors presents the meeting to approve the revenue-profit plan for 2020 as follows:

1. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận hợp nhất năm 2020 của Tập đoàn:
Consolidated revenue and profit plan for fiscal year 2020

Đơn vị/Unit: 1,000,000 VNĐ

STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Năm 2020 (Kế hoạch) (Plan)	Năm 2019	Tăng trưởng Grow
1	Doanh thu thuần hợp nhất (sau loại trừ doanh thu các công ty liên kết và nội bộ)	Consolidated net revenue (after excluding revenues from associates and internal companies)	5,575,802	4,855,806	15%
2	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Consolidated profit before tax	300,527	258,953	16%
3	Lợi nhuận sau thuế	Consolidated profit after tax	248,255	208,570	19%

2. Kế hoạch doanh thu – lợi nhuận năm 2020 của công ty mẹ
Separate revenue and profit plan for fiscal year 2020



Đơn vị/Unit: 1,000,000 VNĐ

STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Năm 2020 (Kế hoạch) (Plan)	Năm 2019	Tăng trưởng Growth
1	Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	Net revenue	135,416	130,299	4%
2	Doanh thu tài chính (Lợi nhuận chuyển về từ công ty thành viên)	Financial income (Profit from subsidiaries)	115,897	90,374	28%
3	Lợi nhuận trước thuế	Profit before tax	116,290	109,588	6%
4	Lợi nhuận sau thuế	Profit after tax	116,235	105,573	10%

3. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 Plan for profit distribution 2020

Đơn vị/Unit: 1,000,000 VNĐ

STT No.	CHỈ TIÊU	DESCRIPTION	Tỷ lệ	Năm 2020 Fiscal year 2020
1	Lợi nhuận sau thuế (công ty mẹ)	Earning before tax (Separate FS)		116,235
2	Quỹ KTPL, thưởng HĐQT và BKS năm 2020	Funds appropriation 2020		(20,466)
	Trong đó:	Include:		
	- Trích quỹ KHCVN	- Scientific and technological development fund	-10%	(11,624)
	- Trích quỹ KTPL	- Bonus and welfare fund	-6%	(6,974)
	- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS (**)	- Bonus for the BoD and Supervisory Board	-1%	(1,868)
3	Lợi nhuận năm 2020 sau khi trích lập các quỹ (3) = (1) + (2)	Remaining 2020 profit after distributing funds		95,769
4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại năm 2019	Remaining undistributed profit after tax 2019 left		7,834
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/03/2021 sau khi trích lập các quỹ (5) = (3) + (4)	Undistributed profit after tax at 31/03/2021 after distributing funds		103,604
6	Số lượng cổ phần dự kiến lưu hành tại ngày 31/03/2021	Number of share at 31/03/2021		99,999,866
7	Đề xuất cổ tức	Expended dividend	10%	99,999.9

(**) Quỹ thưởng HĐQT và BKS năm 2020 tạm trích 1% từ Lợi nhuận hợp nhất sau thuế của cổ đông Công ty Mẹ.

The bonus for the Board of Directors and the Supervisory Board in 2020 is temporarily deducted 1% from the net profit after tax of parent company's shareholders.



Hội đồng Quản trị công ty đề xuất Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị công ty như sau

BOD proposes AGM to authorizes BOD:

- Thông qua chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận hợp nhất và công ty mẹ, kế hoạch cổ tức năm 2020 nêu trên.
Approve the consolidated revenue and profit plan and parent company plan, the dividend plan for 2020.
- Ủy quyền cho HĐQT linh hoạt điều chỉnh tăng/ giảm Doanh thu – Lợi nhuận năm 2020 hợp nhất và công ty mẹ theo tác động thực tế của dịch bệnh, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và Công ty.
To be flexibility in adjustment consolidated revenue & profit plan 2020 and that of Parent Company according to the actual impact of the disease, to ensure the best benefit for Shareholders and Company.
- Ủy quyền HĐQT quyết định tạm ứng cổ tức trong kỳ (nếu có).
To decide advance dividend (if any).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kindly submit for your approval

Trân trọng cảm ơn

Sincerely.

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2020

TM. Hội đồng quản trị
For and On behalf of BoD



Nguyễn Trung Chính